

NGUỒN LỰC VÀ THỰC TRẠNG SINH KẾ CỦA LAO ĐỘNG NỮ VÙNG VEN BIỂN TỈNH NGHỆ AN

Hoàng Phan Hải Yến, Phan Thị Thái Hậu, Phạm Thị Hoài

Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài 28/12/2017, ngày nhận đăng 13/7/2018

Tóm tắt: Lao động nữ vùng ven biển tỉnh Nghệ An có trình độ thấp và bị hạn chế trong việc tiếp cận các nguồn lực sinh kế. Vì vậy, việc hỗ trợ xây dựng sinh kế cho lao động nữ là vấn đề cần được quan tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng ven biển. Bài viết tập trung phân tích thực trạng sinh kế và thu nhập của lao động nữ ở vùng ven biển tỉnh Nghệ An, từ đó đề xuất các loại hình sinh kế phù hợp nhằm giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho họ.

1. Mở đầu

Sinh kế (livelihood) là hoạt động kiếm sống của con người thông qua việc sử dụng các nguồn lực (con người, tự nhiên, vật chất, tài chính, xã hội...) có sự quản lý của các tổ chức, định chế, chính sách. Khi hoạt động sinh kế thích ứng hoặc tránh được các tác động tiêu cực từ môi trường dễ bị tổn thương, đồng thời bảo đảm duy trì, phát triển được các nguồn lực trong cả hiện tại và tương lai thì hoạt động sinh kế được coi là bền vững [3].

Như vậy, sinh kế được hiểu rộng hơn khái niệm về việc làm, nó bao gồm tất cả các khả năng, tài sản của một con người trên con đường mưu sinh cuộc sống. Nghiên cứu sinh kế là nghiên cứu về các bối cảnh dễ tổn thương, nguồn lực sinh kế (bao gồm nội tại và bên ngoài), các hoạt động sinh kế, chính sách, tiến trình và cơ cấu cũng như chiến lược sinh kế, kết quả sinh kế [3].

Vùng ven biển tỉnh Nghệ An được xác định bao gồm ranh giới hành chính của 05 huyện, thị xã giáp biển là thị xã Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, huyện Diễn Châu, huyện Nghi Lộc và thị xã Cửa Lò. Vùng này có diện tích trên đất liền 1.114,87 km², trên biển có chiều rộng 4.230 hải lý, chiều dài đường bờ biển 82 km. Đây là vùng có điều kiện tự nhiên, tài nguyên biển dồi dào, lực lượng lao động đông, trẻ, khỏe, nhiều kinh nghiệm nên có lợi thế to lớn trong phát triển các ngành kinh tế gắn với biển như cảng biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, đặc biệt là khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác, vùng ven biển ở Nghệ An đang trong tình trạng bị khai thác tài nguyên quá mức dẫn đến khó khăn cho cộng đồng dân cư về sinh kế và thu nhập. Cộng đồng dân cư ven biển lại là đối tượng phụ thuộc trực tiếp và chủ yếu vào nguồn thu nhập từ thủy sản và nông nghiệp.

Đáng lưu ý, lao động nữ ở vùng ven biển có trình độ thấp và bị hạn chế trong việc tiếp cận các nguồn lực sinh kế. Số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và trung học chuyên nghiệp chỉ chiếm từ 4,7% đến 6,2%. Vì vậy, việc hỗ trợ xây dựng sinh kế cho lao động nữ ven biển là vấn đề cần được quan tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của vùng ven biển [3].

2. Nội dung

2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Dữ liệu

Dữ liệu của bài báo được nhóm nghiên cứu tính toán, phân tích từ các nguồn như: niên giám thống kê của Cục Thống kê Nghệ An, các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. Những số liệu sơ cấp được thu thập, sau đó được xử lý, tính toán thành các bảng để so sánh, nhận xét và phân tích. Tất cả các dữ liệu được thu thập trong giai đoạn 2010-2016, kết quả điều tra được thực hiện năm 2017.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo đã sử dụng kết hợp các phương pháp như: thu thập số liệu, tài liệu; phân tích, tổng hợp, so sánh. Đặc biệt, trên cơ sở kế thừa bảng hỏi của Chương trình hỗ trợ ngành thủy sản thuộc Dự án FSPS của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An, nhóm nghiên cứu sử dụng hai phương pháp chính:

- Phương pháp điều tra: Sử dụng bảng hỏi để điều tra trực tiếp 100 lao động nữ trên 04 xã, phường, bao gồm: xã Diễn Bích (huyện Diễn Châu), xã Nghi Thiết (huyện Nghi Lộc), xã Quỳnh Lập (huyện Quỳnh Lưu), Phường Nghi Tân (Thị xã Cửa Lò) về thực trạng những loại hình sinh kế, tài sản, thu nhập của hộ, những thuận lợi và khó khăn trong sản xuất, mong muốn đề xuất về việc làm của lao động nữ...

- Phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia: Đây là phương pháp được nhóm nghiên cứu thực hiện bằng cách phỏng vấn các chuyên gia của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, các trường phòng Nông nghiệp, trường phòng Lao động, Thương binh và Xã hội trên địa bàn các huyện, thị ven biển về hoạt động sinh kế của lao động nữ ở 4 xã, phường vùng ven biển Nghệ An.

2.2. Nguồn lực sinh kế

2.2.1. Nguồn lực sinh kế lao động nữ ở vùng ven biển tỉnh Nghệ An

Dân số vùng ven biển Nghệ An năm 2016 là 894.096 người, chiếm 29,18% dân số tỉnh Nghệ An, với lực lượng lao động 671.600 người, chiếm 75,11% dân số của toàn vùng và 32,6% lực lượng lao động toàn tỉnh Nghệ An [3].

Bảng 1: Dân số và lao động nữ ở vùng ven biển Nghệ An giai đoạn 2010-2016

Đơn vị tính: Nghìn người

TT	Chỉ tiêu	2010	2012	2013	2014	2016
1	Dân số	853,1	866,4	875,6	884,9	894,1
2	Lực lượng lao động	528,9	559,7	574,4	560	617,6
3	Lực lượng lao động nữ	267,5	277,7	288,7	301,2	316,8
4	Lực lượng lao động nữ có việc làm thường xuyên	262,3	273,9	284,7	297	312,6
5	Lực lượng lao động nữ không có việc làm thường xuyên	5,1	3,9	4,0	4,3	4,1
	Tỉ lệ % so với lực lượng lao động nữ	1,9	1,4	1,4	1,4	1,3

Nguồn: Xử lý, tính toán từ [3]

Trong tổng số lực lượng lao động, lao động nữ chiếm 51,29%, nhiều hơn lao động là nam giới. Tỷ lệ lao động nữ không có việc làm thường xuyên mặc dù đã giảm từ 1,9% năm 2010 xuống 1,3% năm 2016 nhưng vẫn còn 4.131 người

Bảng 2: Số lượng lao động nữ đang làm việc và tỉ lệ lao động nữ phân theo nhóm ngành kinh tế ở vùng ven biển Nghệ An [3]

Đơn vị tính: Nghìn người

Chỉ tiêu	2010	2012	2013	2014	2016
Lao động nữ đang làm việc (nghìn người)	262,3	273,9	284,7	297,0	312,6
Tỉ lệ lao động trong nông, lâm, thủy sản (%)	71,4	72,6	71,7	72,0	70,4
Tỉ lệ lao động trong công nghiệp - xây dựng (%)	12,0	11,4	11,3	11,6	11,2
Tỉ lệ lao động trong khu vực dịch vụ (%)	15,6	16,0	17	16,4	18,4

Trong tổng số lao động nữ năm 2016, lao động chủ yếu tập trung trong khu vực nông, lâm, thủy sản, chiếm 70,4%; khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ chiếm tỉ lệ thấp là 11,2% và 18,4%. Nguyên nhân là do trình độ lao động còn thấp, chủ yếu lao động tay chân. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế có sự chuyển dịch nhưng không đáng kể, tỉ lệ lao động nữ trong ngành nông, lâm, thủy sản giảm nhẹ từ 71,4% năm 2010 xuống còn 70,4% năm 2016; tỉ lệ lao động nữ trong công nghiệp - xây dựng giảm nhẹ từ 12% năm 2010 xuống 11,2% năm 2016; tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ tăng 2,8% trong giai đoạn 2010-2016, năm 2016 đạt 18,4%. Như vậy, cơ cấu lao động nữ phân theo ngành kinh tế tỉnh Nghệ An có sự chuyển dịch nhưng vẫn còn chậm.

2.2.2. Trình độ học vấn của lao động nữ

Qua điều tra trực tiếp 100 lao động nữ tại 04 xã phường của vùng ven biển tỉnh Nghệ An, chúng tôi nhận thấy thực trạng học vấn của lao động nữ như sau:

Bảng 3: Thực trạng học vấn của lao động nữ được điều tra ở vùng ven biển

Chỉ tiêu		Xã Diễn Bích	Xã Nghi Thiết	Xã Quỳnh Lập	Phường Nghi Tân
Tuổi bình quân của lao động nữ		42	44	46	42
Trình độ văn hóa của lao động nữ (%)	Tiểu học	32,5	18,5	28,5	7,0
	Trung học cơ sở	45,0	64,0	44,3	49,5
	Trung học phổ thông	21,5	14,3	27,2	43,5
	Chưa tốt nghiệp tiểu học	1,0	3,2	0,00	0,00
Trình độ chuyên môn của lao động nữ (%)	Trung cấp	17,0	3,8	5,3	5,40
	Cao đẳng	4,3	5,8	8,2	6,8
	Đại học	1,80	2,2	1,8	4,3
	Học nghề	10,3	17,50	12,1	23,0
	Không bằng cấp	66,6	70,7	72,6	60,5

Nguồn: Tính toán từ kết quả điều tra của nhóm tác giả năm 2017

Độ tuổi bình quân của 100 lao động nữ được điều tra ở 4 xã là 44. Đây là độ tuổi mà các lao động nữ có nhiều kinh nghiệm về nghề nghiệp nhưng cũng là một cản trở trong việc chuyển nghề mới.

Hầu hết lao động nữ chưa quan tâm đến việc nâng cao trình độ học vấn cũng như trình độ chuyên môn. Ở xã Diễn Bích và Nghi Thiết vẫn có một tỷ lệ chị em chưa học hết cấp 1; ở hầu hết các xã đều có 60%-70% số lao động nữ không có bằng cấp hoặc chứng chỉ chuyên môn, nghề nghiệp. Trình độ văn hóa và chuyên môn là nguồn lực quan trọng giúp cho người lao động đa dạng được các hoạt động sinh kế và có nhiều sự lựa chọn nghề nghiệp. Tuy nhiên, hầu hết lao động nữ ở các xã ven biển chưa quan tâm đến việc học văn hóa và nghề nghiệp.

2.2.3. Tình trạng nhân khẩu và nguồn lực xã hội

Ở các xã ven biển, nhân khẩu bình quân/hộ cao, từ 5-6 người/hộ. Số nhân khẩu càng cao ở những xã có nghề khai thác thủy hải sản là chính. Ở phường Nghi Tân, có 5,6% số hộ phỏng vấn có từ 8-9 người/hộ, tuy nhiên đây cũng là địa phương có số nhân khẩu bình quân thấp nhất trong các điểm điều tra, trung bình chỉ 4,3%. Nguyên nhân của tình trạng bình quân nhân khẩu/hộ cao ở vùng ven biển so với các vùng khác là do hầu hết các xã ven biển Nghệ An đều có tỷ lệ sinh con thứ ba cao, là vùng giáo dân nên không hạn chế về sinh đẻ.

Bảng 4: Tình trạng nhân khẩu và nguồn lực xã hội của lao động nữ được điều tra ở vùng ven biển

Chỉ tiêu		Xã Diễn Bích	Xã Nghi Thiết	Xã Quỳnh Lập	Phường Nghi Tân
Nhân khẩu gia đình (% số hộ)	2 - 4 người/hộ	44,7	34,5	30,7	51,3
	5 - 7 người/hộ	53,2	62,3	68	43,1
	8 - 9 người/hộ	2,1	3,2	1,3	5,6
	Bình quân nhân khẩu /hộ (người)	5,7	4,8	6,2	4,3
Lao động nữ bình quân/hộ (người)		3,7	3,3	4,2	3,8
Vốn bình quân/hộ (triệu đồng)		52,83	88,25	111,87	123,43
Trong đó, vốn vay bình quân/hộ (triệu đồng)		23,21	25,74	63,27	12,22
Đất đai của gia đình (m ²)		121,2	215,58	328,53	544,36
Điều kiện về nhà ở của lao động nữ	Nhà cao tầng	6,2	9,3	13,5	34,4
	Nhà mái bằng	12,0	34,3	18,8	33,0
	Nhà lợp ngói	81,8	56,4	67,7	32,6
	Nhà tranh tre	0,0	0,0	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ kết quả điều tra của nhóm tác giả năm 2017

Vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh bình quân của lao động nữ ven biển dao động từ 52,83 đến 123,43 triệu đồng/hộ. Nếu xét ở các vùng miền núi, sản xuất trồng trọt, chăn nuôi thuần túy thì mức vốn này hợp lý với quy mô hộ sản xuất nhỏ nhưng đối với các xã ven biển, đầu tư cho đánh bắt thủy hải sản thì mức vốn này là thấp. Qua phỏng

vấn cho thấy, số vốn của gia đình chủ yếu ưu tiên cho các hoạt động khai thác thủy hải sản của nam giới, vốn dành cho các hoạt động sinh kế của phụ nữ chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Đất đai là một nguồn lực quan trọng đối với người dân nông thôn, nhưng diện tích đất bình quân của các hộ trên địa bàn các xã rất thấp (từ 121,2 đến 544,36 m²) và chủ yếu là đất thổ cư. Hạn chế về nguồn lực đất đai khiến cho sinh kế của ngư dân ven biển phụ thuộc vào biển và người phụ nữ cũng phụ thuộc vào nghề biển của gia đình.

2.3. Thực trạng sinh kế của lao động nữ ở vùng ven biển Nghệ An

2.3.1. Các hoạt động sinh kế chính

Đặc trưng của phụ nữ ven biển có ít đất sản xuất nông nghiệp nên thường có sinh kế dựa vào chồng con đi biển. Phụ nữ trước đây thường chỉ ở nhà nội trợ và chăm sóc gia đình. Ngày nay, phụ nữ năng động hơn, tìm kiếm nghề nghiệp phụ giúp gia đình. Tuy nhiên, do người đàn ông trong gia đình đi biển nên mọi việc trong gia đình đều do người lao động nữ đảm nhận. Vì vậy, họ không có nhiều sự lựa chọn về nghề nghiệp. Bên cạnh đó, trình độ văn hóa và chuyên môn thấp, nguồn lực hạn chế nên lý do chọn nghề của lao động nữ ven biển có liên quan nhiều đến người chồng và hoàn cảnh kinh tế gia đình.

Kết quả điều tra cho thấy những lao động nữ không có chồng, con đi biển thì có thể tham gia vào hầu hết các hoạt động sinh kế tại địa phương. Ngược lại, những phụ nữ có chồng, con đi biển thì chủ yếu làm nghề buôn cá, sơ chế cá và làm phụ thêm các sản phẩm thủ công nghiệp mây, tre đan, nón, đan và vá lưới như bảng dưới đây:

Bảng 5: Sinh kế của lao động nữ xếp theo loại hộ được điều tra ở vùng ven biển Nghệ An

Đơn vị tính: %

Sinh kế của lao động nữ	Xếp loại kinh tế của hộ gia đình			
	Giàu	Khá	Trung bình	Nghèo
1. Chăn nuôi	0,00	21,31	13,17	15,25
2. Nuôi trồng thủy sản	0,00	0,00	14,55	0,00
3. Buôn bán nhỏ/dịch vụ	31,4	47,32	3,13	0,00
4. Thu lượm thủy hải sản	0,00	9,32	4,44	21,43
5. Dịch vụ nghề cá	37,6	8,45	13,23	0,00
6. Làm thuê	0,00	2,00	10,33	27,11
7. May mặc	0,00	4,60	0,00	0,00
8. Chế biến hải sản	31,0	7,00	5,00	0,00
9. Làm muối	0,00	0,00	21,44	13,26
10. Xay sát lúa gạo	0,00	0,00	2,71	0,00
11. Mây tre đan, làm nón	0,00	0,00	12,0	22,95

Nguồn: Tính toán từ kết quả điều tra của nhóm tác giả năm 2017

Khi xét theo điều kiện kinh tế của gia đình, phụ nữ nghèo thường chọn những hoạt động sinh kế ít phải đầu tư vốn và có thu nhập thấp hơn như chăn nuôi quy mô nhỏ, làm thuê, làm ngành nghề mây tre đan, đan nón, thu lượm thủy hải sản. Phụ nữ giàu và khá thường làm trong các ngành nghề dịch vụ.

2.3.2. Thu nhập của lao động nữ ở vùng ven biển Nghệ An

Nhìn chung, thu nhập của lao động nữ ở các xã ven biển thấp và phụ thuộc nhiều vào biển cũng như phụ thuộc nhiều vào thu nhập chung của cả gia đình.

Bảng 6: Thu nhập của các hộ gia đình và lao động nữ vùng ven biển Nghệ An năm 2016

Chỉ tiêu	Xã Diên Bích	Xã Nghi Thiết	Xã Quỳnh Lập	Phường Nghi Tân
Thu nhập bình quân của hộ gia đình các lao động nữ (triệu đồng)	97,149	113,500	76,860	100,545
Thu nhập bình quân của lao động nữ (nghìn đồng/tháng)	1.600,0	1.122,0	1.006,5	1.292,0
Tỉ lệ thu nhập của lao động nữ/ hộ gia đình (%)	19,76	11,86	15,71	15,42

Nguồn: Tính toán từ kết quả điều tra của nhóm tác giả năm 2017

Hiện nay, ở xã Nghi Thiết và Quỳnh Lập, lao động nữ có thu nhập bình quân thấp hơn so với Nghi Tân và Diên Bích. Lao động nữ tại Quỳnh Lập chủ yếu sống dựa vào nguồn thu nhập đi biển của chồng và con, lao động nữ ở Nghi Tân, Diên Bích và Nghi Thiết độc lập về kinh tế hơn, sinh kế của họ đa dạng hơn và có thu nhập từ nhiều nguồn khác nhau.

2.3.3. Nhu cầu và mong muốn về sinh kế của lao động nữ ven biển Nghệ An

Một trong những căn cứ quan trọng của các hoạt động sinh kế được đề xuất là phản ánh nhu cầu và nguyện vọng của chính lao động nữ vùng ven biển trong tương lai.

Bảng 7: Nhu cầu về sinh kế của lao động nữ được điều tra ở vùng ven biển Nghệ An

Đơn vị tính: %

Các sinh kế	Xã Diên Bích	Xã Nghi Thiết	Xã Quỳnh Lập	Phường Nghi Tân
1. Nấu rượu, nuôi lợn	5,86	12,23	17,52	15,23
2. Buôn bán nhỏ/dịch vụ	42,31	17,34	21,32	33,44
3. Chế biến thủy hải sản	15,45	7,56	25,34	32,87
4. Dịch vụ hậu cần nghề cá	1,00	11,34	12,44	9,00
5. Làm thuê	2,65	2,45	1,43	1,80
6. Làm muối	8,88	0,00	0,00	0,00
7. Tiểu thủ công nghiệp	21,32	32,46	11,23	0,00
8. Xuất khẩu lao động	2,53	10,43	10,72	3,45
9. Dịch vụ vận chuyên	0,00	6,19	0,00	0,00
10. Kiếm việc khác ổn định hơn	—	—	—	2,41

Nguồn: Tính toán từ kết quả điều tra của nhóm tác giả năm 2017

So sánh nhu cầu về sinh kế của các lao động nữ ở vùng ven biển cho thấy lao động nữ chủ yếu mong muốn được hỗ trợ để cải thiện và làm tốt hơn các hoạt động sinh

kế đã có. Lao động nữ ở các xã Diễn Bích, Nghi Thiết và Quỳnh Lập mong muốn có thêm các sinh kế phù hợp như mây tre đan, làm nón trong thời gian rảnh rỗi. Lao động nữ ở phường Nghi Tân lại mong muốn được tham gia vào các hoạt động sinh kế chế biến thủy sản, buôn bán nhỏ để cải thiện thu nhập.

3. Kết luận

Kết quả điều tra về nguồn lực và thực trạng sinh kế của lao động nữ vùng ven biển tỉnh Nghệ An cho thấy:

- Nguồn lực cho hoạt động sinh kế của lao động nữ ven biển tỉnh Nghệ An còn nhiều hạn chế như trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn lao động thấp, phụ nữ vất vả vì phải sinh con nhiều và chăm lo gánh vác việc gia đình thay nam giới đi biển; thiếu đất để tiến hành các hoạt động nông nghiệp.

- Thu nhập bình quân của lao động nữ thấp, chỉ dao động từ 1.000.000 đến 1.600.000 đồng/lao động/tháng, cao nhất ở Diễn Bích và thấp nhất ở Quỳnh Lập.

- Sinh kế của lao động nữ liên quan đến nguồn lợi thủy hải sản. Có nguồn thủy hải sản mới có việc làm và thu nhập.

- Thực trạng hoạt động sinh kế chủ yếu của lao động nữ tại các xã ven biển liên quan nhiều đến nguồn lực từ biển như nghề chế biến, sơ chế thủy hải sản, dịch vụ nghề cá, buôn bán thủy hải sản... Vì vậy, để cải thiện sinh kế lao động nữ trong thời gian tới cần phải đa dạng hóa các loại hình sinh kế, đầu tư xây dựng các loại hình sinh kế gắn với dịch vụ, hạn chế các loại hình khai thác biển, đào tạo nghề, liên kết với doanh nghiệp để thu hút lao động cũng như bao tiêu sản phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2010 và 2016*, NXB Nghệ An, 2011, 2017.
- [2] Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An, *Xây dựng sinh kế nâng cao đời sống của lao động nữ vùng ven biển tỉnh Nghệ An*, Chương trình Hỗ trợ ngành thủy sản, Dự án FSPS, 2010.
- [3] Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An, *Báo cáo tổng kết kết về lao động, việc làm giai đoạn 2011-2017*, 2017.
- [4] Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An, *Báo cáo tổng kết kết quả nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2011 - 2015, kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016-2020*, 2015.
- [5] UBND tỉnh Nghệ An, *Đề án chuyển đổi nghề khai thác thủy sản từ vùng lộng sang vùng khơi tỉnh Nghệ An đến năm 2020*, 2013.

SUMMARY

RESOURCES AND SITUATION OF FEMALE WORKERS' LIVELIHOOD IN NGHE AN COASTAL AREA

Female workers in rural coastal Nghe An Province have low qualifications and limited access to livelihood resources. The number of female laborers in rural areas accounts for more than half of the total labor force. Therefore, support for livelihood development for rural female laborers in the coastal area is a matter of concern in this region's socio-economic development strategy. The paper focuses on the analysis of their occupational status and income, thence proposes suitable types of occupations in order to create jobs, raise incomes and improve the living conditions of female workers in the coastal areas of Nghe An Province.